Số: 46/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2025-12-12T11:38:32+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 46 /NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Báo cáo số 2401/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá tình hình thực hiện tài chính - ngân sách giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách 05 năm giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 637/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

1. Mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2026-2030

a) Căn cứ khả năng tăng trưởng kinh tế trong nước và tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021-2025, phấn đấu đến năm 2030: Quy mô tổng sản phẩm trong nước GRDP (theo giá hiện hành) đạt trên 1.432.330 tỷ đồng; Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10 - 10,5%; Cơ cấu kinh tế khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 13-14%, công nghiệp - xây dựng chiếm 55-56%, dịch vụ chiếm 26-27%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ là 35%; Không còn hộ nghèo tiếp cận đa chiều theo chuẩn Trung ương; Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đạt trên 90%; Tổng thu NSNN giai đoạn 2026 - 2030 tăng hơn 50% so với giai đoạn 2021 - 2025; Nguồn thu cân đối ngân sách địa phương (NSĐP) đảm bảo được nhiệm vụ chi trên địa bàn; Huy động thu NSNN so GRDP giá so sánh đạt 25,3%.

Phấn đấu đến năm 2030, đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%, kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP; xếp hạng về chuyển đổi số (DTI) của tỉnh thuộc nhóm 10 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước; hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 là 284.040,6 tỷ đồng, tăng 53,2% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 (đảm bảo theo chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của tỉnh), tương ứng tăng 98.670,9 tỷ đồng (284.040,6 - 185.369,7); tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (theo giá hiện hành) là 10,9%, trong đó:

- Thu nội địa là 238.466 tỷ đồng, tăng 54,5% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 84.132,9 tỷ đồng (238.466 - 154.333,1); chiếm tỷ trọng 84% trong tổng thu NSNN trên địa bàn, trong đó:

+ Thu tiền sử dụng đất: 70.000 tỷ đồng, tăng 132% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 39.828,5 tỷ đồng (70.000 - 30.171,5);

+ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 24.840 tỷ đồng, tăng 25,1% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 4.984,2 tỷ đồng (24.840 - 19.875,8).

Tỷ trọng thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chiếm 39,8% trong tổng thu nội địa.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 45.574,6 tỷ đồng, tăng 50,9% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 15.380,2 tỷ đồng (45.574,6 - 30.194,4); chiếm tỷ trọng 16% trong tổng thu NSNN trên địa bàn.

- Dự kiến tổng thu NSĐP giai đoạn 2026-2030 là 222.174,1 tỷ đồng, tăng 27,2% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 47.527,3 tỷ đồng (222.174,1 - 174.646,8); tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (theo giá hiện hành) là 8,5%, trong đó:

- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp là 216.566,7 tỷ đồng, tăng 46,4% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 68.601,5 tỷ đồng (216.566,7 - 147.965,2); chiếm tỷ trọng 97,5% trong tổng thu NSĐP giai đoạn;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (NSTW) là 5.607,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,5% trong tổng thu NSĐP giai đoạn.

c) Chi NSĐP giai đoạn 2026-2030 chủ yếu từ nguồn thu NSĐP được hưởng (100% + điều tiết) và nguồn thu bổ sung từ NSTW (bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ). Dự kiến tổng chi NSĐP giai đoạn 2026-2030 là 221.431,4 tỷ đồng, giảm 12,8% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng giảm 32.646,7 tỷ đồng (221.431,4 - 254.078,3); tỷ lệ chi NSĐP so với GRDP (theo giá hiện hành) là 8,5%, trong đó:

- Chi cân đối NSĐP: 215.824 tỷ đồng, tăng 25,7% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 44.083 tỷ đồng (215.824 - 171.741), trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 93.818,8 tỷ đồng, tăng 15,5% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 12.586,2 tỷ đồng (93.818,8 - 81.232,6), chiếm tỷ trọng 42,4% trong tổng chi cân đối NSĐP;

+ Chi thường xuyên: 113.991,3 tỷ đồng, tăng 29,7% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng tăng 26.075,1 tỷ đồng (113.991,3 - 87.916,3), chiếm tỷ trọng 51,5% trong tổng chi cân đối NSĐP.

- Chi từ nguồn NSTW bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 5.607,4 tỷ đồng, giảm 56,2% so ước thực hiện giai đoạn 2021-2025, tương ứng giảm 7.183,1 tỷ đồng (5.607,4 - 12.790,5).

d) Bội thu NSĐP: 976,2 tỷ đồng.

đ) Tổng mức vay, trả nợ, vay bù đắp bội chi của NSĐP giai đoạn 2026-2030

- Tổng mức dư nợ đầu giai đoạn là 378,2 tỷ đồng, đạt 3% so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP.

- Tổng chi trả nợ gốc vay trong giai đoạn là 233,5 tỷ đồng (từ nguồn bội thu NSĐP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh).

- Tổng mức vay trong giai đoạn là 945,1 tỷ đồng.

- Tổng mức dư nợ cuối giai đoạn là 1.089,8 tỷ đồng, đạt 6,6% so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi NSNN 5 năm giai đoạn 2026-2030, cần quán triệt và thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

a) Về thu NSNN

- Đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực kinh tế hợp lý, hiệu quả, đảm bảo định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của Đảng bộ tỉnh. Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực, những công đoạn có hàm lượng khoa học - công nghệ, giá trị gia tăng cao; ưu tiên phát triển khu công nghiệp tái tạo; phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ các ngành điện, điện tử, cơ khí, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp. Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và gắn với chuỗi giá trị. Đẩy mạnh phát triển thương mại dịch vụ, mở rộng và đa dạng hóa thị trường trong nước; tập trung phát triển và thúc đẩy xuất khẩu, những sản phẩm thế mạnh có lợi thế cạnh tranh của địa phương.

- Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính; công khai minh bạch các cơ chế, chính sách, thông tin NSNN,...; vận động, kêu gọi đầu tư đối với một số Tập đoàn kinh tế lớn trong nước, thu hút nhà đầu tư nước ngoài; ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, áp dụng công nghệ và mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng; lấy chất lượng, hiệu quả công nghệ và bảo vệ tài nguyên môi trường làm tiêu chí đánh giá chủ yếu.

- Tạo mọi điều kiện để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp vừa và nhỏ, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhất là các dự án áp dụng công nghệ sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Chủ động khai thác các khoản thu từ đất và có phương án sử dụng, đầu tư hiệu quả. Thường xuyên rà soát các trụ sở nhà, đất công trên địa bàn, xây dựng phương án sắp xếp, sử dụng hợp lý, hiệu quả.

- Tăng cường quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; rà soát toàn bộ cơ sở dữ liệu về đối tượng, doanh thu và mức thuế khoán đối với hộ kinh doanh trên địa bàn, chống thất thu NSNN; Tập trung thực hiện tốt công tác thu thuế phát sinh và thu hồi nợ đọng thuế, kiên quyết không để nợ đọng thuế gia tăng; thực hiện đúng quy trình xét miễn, giảm thuế, hoàn thuế; phấn đấu thu thuế đạt chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, điều hành thu ngân sách. Các ngành, các cấp phải nỗ lực thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định pháp luật, không để thất thu; Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, phân tích đánh giá, dự báo sát khả năng thu, đề xuất giải pháp hiệu quả thu ngân sách trên địa bàn quản lý theo từng khoản thu, sắc thuế, địa bàn, ngành nghề, lĩnh vực; xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, nguồn thu còn dư địa, chưa khai thác hết, để tổ chức giao nhiệm vụ đến từng cán bộ, đơn vị, từng địa bàn làm căn cứ thực hiện. Thường xuyên rà soát, xác định những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả. Khen thưởng kịp thời đối với các doanh nghiệp hoàn thành nộp NSNN để khuyến khích tác động mạnh mẽ trong cộng đồng doanh nghiệp.

- Công tác xây dựng dự toán thu hàng năm đảm bảo bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong và ngoài nước, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực, việc thực hiện lộ trình cắt giảm, ưu đãi thuế để hội nhập và áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; gắn với việc quyết liệt cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường quản lý, chống thất thu, nhất là trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, thương mại điện tử; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Một số giải pháp tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý thu ngân sách, tránh thất thu NSNN, cụ thể:

+ Tăng cường tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt; triển khai có hiệu quả công tác sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với hộ kinh doanh; ứng dụng tối đa hệ thống dữ liệu ngành thuế đã được tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn: Hải quan, Kho bạc nhà nước, Bộ Công an,... Thực hiện tốt công tác quản lý thuế, quản lý hóa đơn, kiểm soát rủi ro, phòng chống gian lận về hóa đơn điện tử, tập trung triển khai ứng dụng tự động cảnh báo xuất khống hóa đơn điện tử theo hệ số k,…

+ Triển khai mở rộng hướng dẫn NNT tra cứu và thực hiện nghĩa vụ về thuế thông qua ứng dụng etax mobile, Thuế điện tử: đảm bảo thân thiện, dễ dùng cho cả doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh, người dân,... Trong đó, tích hợp nhiều thủ tục đặc biệt là nhóm thuế nhà đất, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ.

+ Tăng cường áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm hỗ trợ trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là phân tích hành vi doanh nghiệp, phát hiện sai phạm hoặc gian lận thuế (nếu có).

+ Tăng cường phối hợp kết nối cơ sở dữ liệu liên ngành, kết nối dữ liệu dân cư (CCCD), đất đai, đăng ký kinh doanh để đối chiếu và xác minh thông tin thuế nhằm chống thất thu trong lĩnh vực chuyển nhượng bất động sản, thương mại điện tử, hộ kinh doanh cá thể,... Phấn đấu số hóa toàn bộ quy trình thu – nộp ngân sách, mở rộng thanh toán điện tử.

+ Kiểm soát và ngăn ngừa thất thu qua chuyển đổi số: Giám sát hóa đơn điện tử theo thời gian thực tế: Phát hiện bất thường về giá trị, tần suất, thời điểm phát hành hóa đơn; Quản lý kinh doanh trên nền tảng số: phối hợp theo dõi doanh thu thực tế của hộ, cá nhân kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội.

b) Về chi NSĐP

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính, kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách; thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách đầy đủ đối với các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp theo quy định. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc mua sắm, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc mua sắm, sử dụng, khai thác đúng mục đích, công năng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Phân khai nguồn vốn đầu tư công kịp thời, tổ chức triển khai thực hiện dự án ngay khi có nguồn vốn được phân khai với tinh thần khẩn trương, quyết tâm cao, tập trung giải quyết dứt điểm khó khăn vướng mắc. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và công khai đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí tài sản công.

- Công tác xây dựng dự toán chi hàng năm đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; căn cứ chế độ, chính sách hiện hành và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đột phá phát triển trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công; Đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế theo các quy định; Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán NSNN.

- Thực hiện quản lý vốn đầu tư công đảm bảo theo Luật Đầu tư công, các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng quy định. Đối với vốn đầu tư công từ nguồn thu hoạt động Xổ số kiến thiết được sử dụng để đầu tư các công trình theo quy định, trong

đó tập trung cho các lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công, tập trung, ưu tiên công trình trọng điểm, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, tránh thất thoát, lãng phí, phát huy vai trò đầu tư công làm vốn khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ nợ chính quyền địa phương. Bố trí thanh toán trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn.

- Thực hiện công tác kiểm soát vốn đầu tư công đồng thời tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh việc giải ngân vốn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư để đẩy nhanh giải ngân vốn đã được giao.

- Quản lý chặt chẽ các khoản chi thường xuyên bảo đảm đúng dự toán được duyệt và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ đột xuất mang tính cấp thiết; các đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn chương trình mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí được giao kịp thời theo tiến độ dự toán. Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng NSNN.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực như giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,... để thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

c) Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành tài chính

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, coi đây là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình, đề án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý tài chính – ngân sách các cấp. Đặc biệt chú trọng phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn và hiện đại, gắn kết với phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; thúc đẩy chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Song song đó, cần tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới, bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự trở thành nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.

Chủ động tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiện đại, hiệu quả và phù hợp với xu thế phát triển mới; mở rộng hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ngành tài chính. Xây dựng, kết nối, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, dịch vụ. Phát triển hạ tầng số đồng bộ theo hướng hiện đại, tập trung xây dựng các nền tảng số dùng chung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho cơ

sở dữ liệu của tỉnh, kết hợp ứng dụng các công nghệ hiện đại phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy chuyển đổi số. Hướng dẫn tri thức số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn ngành tài chính, thúc đẩy phát triển xã hội số; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng trong mọi hoạt động.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

Tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 121-KL/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 167-KL/TW và Kết luận số 169-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị; Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước bảo đảm hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp liên thông, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy chính quyền các cấp trong tỉnh, đảm bảo sự quản lý tập trung, thống nhất; đồng thời phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành. Thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030, đặc biệt lĩnh vực cải cách tài chính công. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, thực hiện hiệu quả việc gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, năng lực sáng tạo, trách nhiệm giải trình, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, đảm bảo đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; xây dựng cơ chế khuyến khích, vinh danh những cá nhân có sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân. Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực thi công vụ; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc; đảm bảo sự quản lý tập trung, thống nhất; đồng thời phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị

quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính tri - xã hội tỉnh tham gia tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Tây Ninh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, (tructhao).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Mạnh Hùng